

Số: 02/2022/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Trụ sở: Tầng 1, Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Lâm - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B – chi nhánh Thăng Long (Theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017 ngày 20/6/2017 của Ngân hàng B)

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn D, ông Bùi Tiến D1 và ông Dương Mạnh H (Theo Giấy ủy quyền số: 372/2021/UQ-LienVietPostBankTL ngày 10 tháng 6 năm 2021).

1.2. Bị đơn: + Chị Nguyễn Thị B1 – sinh năm 1973

Nơi ĐKHKTT: Thôn Dư Xá, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

+ Anh Nguyễn Văn C – sinh năm 1969 (chết ngày

21/11/2020)

Nơi ĐKHKTT: Tòab, phường M, quận H, TP. Hà Nội

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của anh C:

+ Chị Nguyễn Thị B1 – sinh năm 1973

+ Cháu Nguyễn Thu H – sinh ngày 13/11/2010

+ Cháu Nguyễn Thị Phương A – sinh ngày 19/01/2012

Đều có HKTT: Thôn D2, xã H1, huyện Ư, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Thu H và Nguyễn Thị Phương A là chị Nguyễn Thị B1.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về xác nhận nợ:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: Ngày 14/11/2019, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị B1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số: HDTD11620190046 với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh Thăng Long – Phòng giao dịch Mỹ Đức (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 500.000.000 đồng. Theo đó, anh C, chị B1 đã được Ngân hàng giải ngân theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 11620190046/01 ngày 04/12/2019 với số tiền 500.000.000 đồng. Nay chị B1 (anh C đã chết ngày 21/11/2020) xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 18/02/2022 là: 497.690.078 đồng (Bốn trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) cụ thể như sau: Nợ gốc: 434.487.479 đồng; Nợ lãi trong hạn: 55.233.377 đồng; lãi quá hạn: 7.969.222 đồng.

2.2. Các bên thỏa thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:

Ngân hàng TMCP B và chị Nguyễn Thị B1 thỏa thuận thống nhất chị B1 sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng làm 06 kỳ cụ thể như sau:

+ Kỳ 1: Đến ngày 28/3/2022: Chị B1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 2: Đến ngày 28/4/2022: Chị B1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 3: Đến ngày 28/5/2022: Chị B1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 4: Đến ngày 28/6/2022: Chị B1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 5: Đến ngày 28/7/2022: Chị B1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền gốc.

+ Kỳ 6: Đến ngày 28/8/2022: Chị B1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại là 472.690.078 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/02/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD11620190046 ngày 14/11/2019 (Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ kỳ thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên hoặc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 211, tờ bản đồ 31 diện tích 78,6 m² tại thôn Dư Xá, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 777076, số vào sổ cấp GCN: CS-UH 02451 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 07/11/2018 mang tên

ông Trịnh Văn Tư, bà Nguyễn Thị Thịnh; Ngày 30/10/2019 được điều chỉnh mang tên bà Nguyễn Thị B1. Tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 3988/2019 quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại Văn phòng công chứng Dương Kiên, TP Hà Nội và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

Ghi nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng và chị Nguyễn Thị B1 về án phí dân sự sơ thẩm. Chị B1 tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự; chị B1 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Buộc chị Nguyễn Thị B1 phải nộp là 5.977.000đ (*Năm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) tiền án phí dân sự .

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 11.250.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0057214 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3. Tr-ởng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục T.H.A DS huyện Ứng Hoà;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Hằng